

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 06/11/2014

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Thành viên	02 – 05
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 – 07
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 06 tháng 11 năm 2014	08 – 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014	13 – 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014	15 – 32

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Otran Logistics (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014 đã được kiểm toán.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH Otran Logistics hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502233726 ngày 09 tháng 09 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp qua các lần thay đổi như sau:

- Lần thứ nhất ngày 19 tháng 06 năm 2014 về việc chuyển đổi tên Công ty từ Công ty TNHH Vina Commodities Phú Mỹ sang Công ty TNHH Otran Logistics
- Lần thứ hai ngày 07 tháng 11 năm 2014 về việc chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Otran Logistics và tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng.
- Lần thứ ba (lần gần nhất) ngày 11 tháng 08 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 250.000.000.000 đồng lên 500.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu tiên) là 200.000.000.000 (hai trăm tỷ) đồng.

Các thành viên sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký (lần đầu tiên) như sau:

Thành viên sáng lập	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vina Commodities Miền Nam	190.000.000.000	95,00
Ông Trần Đức Tuấn	10.000.000.000	5,00
Cộng	200.000.000.000	100,00

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại; Cho thuê nhà ở; Cho thuê kho bãi, đỗ xe; Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê nhà có trang bị đặc biệt (phòng hòa nhạc, nhà hát, hội trường, phòng cưới, ...); Kinh doanh dịch vụ chợ và quản lý trung tâm thương mại;
- Xây xát và sản xuất bột thô (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (trừ chế biến bột cá) (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, công nghiệp; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dầu khí, ngành hàng hải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm, cân, đo, lấy mẫu hàng hóa; Đại lý khai thuế hải quan. Đại lý vận tải hàng hóa đường biển. Dịch vụ bao gói hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tải biển;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Chế biến và bảo quản rau quả (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường).

2. Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Trần Đức Tuấn.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 06 tháng 11 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 32).

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Công ty đã chuyển đổi loại hình Công ty từ Trách nhiệm hữu hạn sang Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502233726 thay đổi lần thứ tư (02) ngày 07 tháng 11 năm 2014.

Ngoài sự kiện nêu trên, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

7. Xác nhận của Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 06 tháng 11 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng Thành viên cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Thành viên xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

8. Ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 06 tháng 11 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 09 năm 2015



Trần Đức Tuân
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Số: 208/2015/BCKT-TC/AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

của Công ty TNHH OTRAN LOGISTICS

**Kính gửi: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Otran Logistics được lập ngày 31 tháng 12 năm 2014, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 06 tháng 11 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014 được trình bày từ trang 08 đến trang 32 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Thành viên xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

HEAD OFFICE:

Add: R.2407, Building 34T, Trung Hoa - Nhan Chinh Urban,
Hoang Dao Thuy Str., Trung Hoa Ward, Cau Giay Dist., Ha Noi, Vietnam
Ref Office: R1501, Building 17T5, Trung Hoa - Nhan Chinh Urban,
Hoang Dao Thuy Str., Nhan Chinh Ward, Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Vietnam
Tel: 84.4.2.2210082 / 84.4.2.2413586 - Fax: 84.4.2.22100084
Email: info@aat.com.vn - Website: www.aat.com.vn

HO CHI MINH CITY BRANCH:

Address: R11.5, Block B, Indochina Park Tower,
4 Nguyen Dinh Chieu Str., Da Kao Ward, Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: 84.8.39.11.88.39 - Fax: 84.8.39.11.89.39
Email: aat.hcm@aat.com.vn

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã không thể tham gia kiểm kê hàng tồn kho vào ngày 06 tháng 11 năm 2014, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Otrant Logistics tại thời điểm ngày 06 tháng 11 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 23 tháng 09 năm 2015

**Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán,
Kế toán và Tư vấn Thuế AAT**

Giám đốc



Dương Thị Thảo

*Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán
Số: 0162-2013-141-1*

Kiểm toán viên

Trương Quang Trung

*Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán
Số: 1752-2013-141-1*

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 06 tháng 11 năm 2014

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		86.739.661.388	46.993.610.019
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.403.537.066	6.343.193.846
1.	Tiền	111		2.403.537.066	6.343.193.846
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.600.000.000	25.000.000.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	30.600.000.000	25.000.000.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.936.288.214	15.127.781.320
1.	Phải thu khách hàng	131	V.3	39.433.127.498	15.082.482.754
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	3.161.684.081	45.298.566
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.5	2.341.476.635	-
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		7.534.732.195	245.784.853
1.	Hàng tồn kho	141	V.6	7.534.732.195	245.784.853
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.265.103.913	276.850.000
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	222.449.719	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		256.012.593	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	786.641.601	276.850.000

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		165.055.949.710	162.803.617.443
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định		220		165.055.949.710	162.803.617.443
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	165.025.111.248	162.759.370.961
	<i>Nguyên giá</i>	222		173.586.179.395	164.349.116.381
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.561.068.147)	(1.589.745.420)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	30.838.462	44.246.482
	<i>Nguyên giá</i>	228		48.268.888	48.268.888
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(17.430.426)	(4.022.406)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác		260		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		251.795.611.098	209.797.227.462

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		51.089.690.392	11.798.516.102
I. Nợ ngắn hạn		310		51.089.690.392	11.798.516.102
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả người bán	312	V.11	48.251.356.962	10.029.450.284
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.12	1.294.151.421	1.506.063.324
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	754.025.611	1.279.421
5.	Phải trả người lao động	315		193.837.792	164.789.640
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	596.318.606	96.933.433
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		200.705.920.706	197.998.711.360
I. Vốn chủ sở hữu		410		200.705.920.706	197.998.711.360
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.15	200.000.000.000	200.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.15	705.920.706	(2.001.288.640)
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		251.795.611.098	209.797.227.462

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-


Nguyễn Mạnh

Kế toán trưởng



Trần Đức Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Năm trước
		Đơn vị tính: VND			
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	111.032.369.639	18.150.330.012
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		111.032.369.639	18.150.330.012
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	89.540.904.842	15.635.488.043
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.491.464.797	2.514.841.969
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.941.363.917	1.933.068
7.	Chi phí tài chính	22		48	-
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.4	6.888.719.848	1.990.461.922
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	13.117.272.791	2.565.594.093
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.426.836.027	(2.039.280.978)
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	1.113.981.598	37.992.338
12.	Chi phí khác	32	VI.7	1.070.036.412	-
13.	Lợi nhuận khác	40		43.945.186	37.992.338
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.470.781.213	(2.001.288.640)
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		763.571.867	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.707.209.346	(2.001.288.640)

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 12 năm 2014



Nguyễn Thành
Kế toán trưởng

Trần Đức Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Đơn vị tính: VND					
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế					
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
-	Khấu hao tài sản cố định	01	V.9, V.10	3.470.781.213	(2.001.288.640)
-	Các khoản dự phòng	02		7.023.338.695	1.593.767.826
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	03		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.253.238.059)	-
-	Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					
trước thay đổi vốn lưu động					
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	08		9.240.881.849	(407.520.814)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	09		(28.647.522.047)	(15.404.631.320)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	10		(7.288.947.342)	(245.784.853)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	11		38.527.602.423	11.798.516.102
-	Tiền lãi vay đã trả	12		(198.915.937)	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	14		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15		-	-
-		16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				11.633.098.946	(4.259.420.885)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	20	V.9, V.10	(10.537.795.287)	(418.158.006)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	VI.6	60.000.000	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	22	V.2	(5.600.000.000)	(25.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	24		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	26		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				(16.077.795.287)	(25.418.158.006)

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		505.039.561	36.020.772.737
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		505.039.561	36.020.772.737
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.939.656.780)	6.343.193.846
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.343.193.846	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.403.537.066	6.343.193.846


Nguyễn Mạnh

Kế toán trưởng

Trần Đức Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Thành viên



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH Otran Logistics hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502233726 ngày 09 tháng 09 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp qua các lần thay đổi như sau:

- Lần thứ nhất ngày 19 tháng 06 năm 2014 về việc chuyển đổi tên Công ty từ Công ty TNHH Vina Commodities Phú Mỹ sang Công ty TNHH Otran Logistics
- Lần thứ hai ngày 07 tháng 11 năm 2014 về việc chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Otran Logistics và tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng.
- Lần thứ ba (lần gần nhất) ngày 11 tháng 08 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 250.000.000.000 đồng lên 500.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất) là 200.000.000.000 (hai trăm tỷ) đồng.

Các cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng (thay đổi lần thứ nhất) như sau:

Thành viên	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vina Commodities Miền Nam	190.000.000.000	95,00
Ông Trần Đức Tuấn	10.000.000.000	5,00
Cộng	200.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động chính: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Nhận chuyển nhượng đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; Thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại; Cho thuê nhà ở; Cho thuê kho bãi, đỗ xe; Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê nhà có trang bị đặc biệt (phòng hòa nhạc, nhà hát, hội trường, phòng cưới, ...); Kinh doanh dịch vụ chợ và quản lý trung tâm thương mại;
- Xây xát và sản xuất bột thó (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (trừ chế biến bột cá) (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, Môi giới thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, công nghiệp; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dầu khí, ngành hàng hải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm, cân, đo, lấy mẫu hàng hóa; Đại lý khai thuê hải quan. Đại lý vận tải hàng hóa đường biển. Dịch vụ bao gói hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tải biển;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Chế biến và bảo quản rau quả (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014 là kỳ kế toán năm cuối cùng của Công ty TNHH Otran Logistics.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ từ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 24
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 24

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

10. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

11. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phần ảnh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.010.112.771	3.850.800.850
Tiền gửi ngân hàng	393.424.295	2.492.392.996
Cộng	2.403.537.066	6.343.193.846

2. Đầu tư ngắn hạn

Là khoản cho vay ông Trần Đức Tuấn với lãi suất cho vay 9%/năm, thời hạn cho vay 12 tháng theo các hợp đồng sau:

			Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hợp đồng	vay	số	001/213/HĐV/VNPM	ngày
31/12/2013			25.000.000.000	25.000.000.000
Hợp đồng	vay	số	001/214/HĐV/VNPM	ngày
31/10/2014			5.600.000.000	-
Cộng			30.600.000.000	25.000.000.000

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	30.109.917.902	11.007.400.181
Công ty TNHH Vina Commodities Hà Nội	3.529.084.967	420.125.874
Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	3.184.862.080	2.636.483.317
Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam	1.044.187.149	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	588.869.866	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu D.A Xuyên Á	341.644.910	589.169.889
Các khách hàng khác	634.560.624	429.303.493
Cộng	39.433.127.498	15.082.482.754

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lê Thanh Văn	1.311.082.940	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Cơ điện Mặt Trời Việt	418.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Phú Hữu	405.565.870	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Phúc An	265.925.201	-
Cơ sở Cơ khí Duân	143.000.000	-
Doanh nghiệp Tư nhân Nhật Thanh	100.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	518.110.070	45.298.566
Cộng	3.161.684.081	45.298.566

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi cho vay phải thu ông Trần Đức Tuấn	1.926.789.041	-
Hoàng Thị Hồng Nhung	213.117.000	-
Nguyễn Thị Ngọc Trần	194.596.594	-
Các khoản phải thu khác	6.974.000	-
Cộng	2.341.476.635	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	203.095.936	224.361.369
Công cụ, dụng cụ	101.636.259	21.423.484
Hàng hóa	7.230.000.000	-
Cộng	7.534.732.195	245.784.853

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Kỳ này
Số đầu năm	-
Tăng trong kỳ	378.600.600
Giảm trong kỳ	(156.150.881)
Số cuối kỳ	222.449.719

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	780.641.601	275.650.000
Trần Đức Tuấn	480.000.000	55.000.000
Huỳnh Đức Thịnh	200.000.000	-
Nguyễn Văn Trường	6.000.000	11.000.000
Phạm Thị Bích Phương	5.000.000	12.900.000
Các nhân viên khác	89.641.601	196.750.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	6.000.000	1.200.000
Số cuối kỳ	786.641.601	276.850.000

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Số đầu năm	153.896.106.074	5.475.443.517	3.251.972.184	490.601.962	1.234.992.644	164.349.116.381	
Tăng trong kỳ	3.115.739.398	6.785.528.001	45.454.545	62.500.000	-	10.009.221.944	
Mua sắm mới	3.644.312.741	6.785.528.001	45.454.545	62.500.000	-	10.537.795.287	
Giảm trong kỳ	(528.573.343)	-	(772.158.930)	-	-	(1.300.732.273)	
Giảm vốn góp (*)	(528.573.343)	-	-	-	-	(528.573.343)	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(772.158.930)	-	-	(772.158.930)	
Số cuối kỳ	157.011.845.472	12.260.971.518	2.525.267.799	553.101.962	1.234.992.644	173.586.179.395	

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1.286.490.281	145.546.056	78.438.625	40.883.493	38.386.965	1.589.745.420
Tăng trong kỳ	5.744.039.048	741.981.225	257.592.208	138.361.644	127.956.550	7.009.930.675
Khấu hao trong kỳ	5.744.039.048	741.981.225	257.592.208	138.361.644	127.956.550	7.009.930.675
Giảm trong kỳ	-	-	(38.607.948)	-	-	(38.607.948)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(38.607.948)	-	-	(38.607.948)
Số cuối kỳ	7.030.529.329	887.527.281	297.422.885	179.245.137	166.343.515	8.561.068.147

Giá trị còn lại

Số đầu năm	152.609.615.793	5.329.897.461	3.173.533.559	449.718.469	1.196.605.679	162.759.370.961
Số cuối kỳ	149.981.316.143	11.373.444.237	2.227.844.914	373.856.825	1.068.649.129	165.025.111.248

(*) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Otran Miền Nam có giảm vốn góp bằng tài sản và góp lại bằng tiền và công cụ, dụng cụ.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính

	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Số đầu năm	48.268.888	4.022.406	44.246.482
Tăng trong kỳ	-	13.408.020	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	48.268.888	17.430.426	30.838.462

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	24.372.142.935	5.231.109.782
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam	4.863.495.293	-
Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn tại Bà Rịa Vũng Tàu	4.646.652.995	117.204.230
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	3.497.912.073	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-SPA	2.827.899.566	-
Doanh nghiệp Tư nhân Giang Huy	1.785.662.890	213.084.300
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2	1.037.293.000	-
Công ty TNHH Cotecna Việt Nam	998.916.387	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	609.639.000	486.710.619
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	468.936.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thành Nhân	375.720.455	-
Công ty TNHH Khử trùng Quốc tế	324.717.478	78.451.120
Trans Coatal Supply Company, Inc	324.522.388	-
Các nhà cung cấp khác	2.117.846.502	3.902.890.233
Cộng	48.251.356.962	10.029.450.284

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Dinh dưỡng Á Châu (VN)	278.474.080	-
Công ty Cổ phần Dường Nông nghiệp Quốc Tế (ANCO)	148.733.745	-
Công ty TNHH Thức ăn Gia súc Lái Thiêu	139.239.541	-
Công ty TNHH ANT (MV)	139.239.540	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Bột mì Bình Đông	133.650.000	1.385.208.000
Các khách hàng khác	454.814.515	120.855.324
Cộng	1.294.151.421	1.506.063.324

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	1.279.421	-	(1.279.421)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	763.571.867	(9.546.256)	754.025.611
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	1.279.421	763.571.867	(10.825.677)	754.025.611

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thu nhập tính thuế

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	123.994.132	97.600
Bảo hiểm y tế	21.757.040	-
Bảo hiểm thất nghiệp	9.044.389	-
Các khoản phải trả khác	441.523.045	96.835.833
Cộng	596.318.606	96.933.433

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	-	-	-
Tăng vốn trong năm trước	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Lỗ trong năm trước	-	(2.001.288.640)	(2.001.288.640)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	(2.001.288.640)	197.998.711.360
Số dư đầu năm	200.000.000.000	(2.001.288.640)	197.998.711.360
Tăng vốn trong kỳ (*)	528.573.343	-	528.573.343
Giảm vốn trong kỳ (**)	(528.573.343)	-	(528.573.343)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	2.707.209.346	2.707.209.346
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	705.920.706	200.705.920.706

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Otran Miền Nam có giảm vốn góp bằng tài sản và góp lại bằng tiền và công cụ, dụng cụ.

Tình hình góp vốn của Chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	190.000.000.000	190.000.000.000
Ông Trần Đức Tuấn	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Năm trước
Doanh thu cung cấp hàng hóa (thức ăn chăn nuôi)	5.589.682.850	45.248.975
Doanh thu cung cấp dịch vụ - Dịch vụ khai thác cảng, kho	80.121.293.156	7.076.823.815
Doanh thu cung cấp dịch vụ - Dịch vụ kho bãi (lưu kho, thuê kho và dịch vụ khác)	9.664.812.224	395.378.273
Doanh thu cung cấp dịch vụ - Dịch vụ vận chuyển	14.596.593.052	10.632.878.949
Doanh thu cung cấp dịch vụ - Dịch vụ khai quan	184.195.896	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ - Dịch vụ khác	875.792.461	-
Cộng	111.032.369.639	18.150.330.012

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Năm trước
Giá vốn cung cấp hàng hóa (thức ăn chăn nuôi)	5.505.170.788	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ - Dịch vụ khai thác cảng, kho	61.093.845.625	4.764.670.071
Giá vốn cung cấp dịch vụ - Dịch vụ vận chuyển	13.802.721.047	10.870.817.972
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	9.139.167.382	-
Cộng	89.540.904.842	15.635.488.043

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	14.574.876	1.933.068
Lãi tiền cho vay	1.926.789.041	-
Cộng	1.941.363.917	1.933.068

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.099.884.671	431.037.416
Chi phí khấu hao tài sản cố định	715.693.278	122.249.026
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.767.085.893	1.301.183.535
Chi phí khác	2.306.056.006	135.991.945
Cộng	6.888.719.848	1.990.461.922

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.891.780.947	441.803.640
Chi phí vật liệu quản lý	176.813.096	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	91.247.626	3.672.426
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.307.645.417	1.471.518.800
Chi phí thuế, phí, lệ phí	26.580.831	6.162.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	179.449.724	-
Chi phí khác	3.443.755.150	642.436.901
Cộng	13.117.272.791	2.565.594.093

6. Thu nhập khác

	Kỳ này	Năm trước
Thu tiền bán hàng phế	278.490.000	-
Thu tiền hàng bán thanh lý	486.894.000	-
Tiền thưởng tàu	260.889.662	-
Thu nhập do thanh lý tài sản cố định	60.000.000	-
Thu nhập khác	27.707.936	37.992.338
Cộng	1.113.981.598	37.992.338

7. Chi phí khác

	Kỳ này	Năm trước
Gía trị còn lại của tài sản thanh lý	733.550.982	-
Chi phí bồi thường	319.658.986	-
Chi phí khác	16.826.444	-
Cộng	1.070.036.412	-

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.367.945.393	438.525.522
Chi phí nhân công	2.891.780.947	441.803.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.023.338.695	1.593.767.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.487.440.459	16.902.689.618
Chi phí khác	5.776.391.987	814.757.452
Cộng	109.546.897.481	20.191.544.058

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty có phát sinh một số giao dịch không bằng tiền như sau:

	Kỳ này
Giảm vốn góp bằng tài sản	528.573.343
Tăng vốn góp bằng công cụ, dụng cụ	23.533.782
Lãi tiền cho vay chưa thu	1.926.789.041

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đã chuyển đổi loại hình Công ty từ Trách nhiệm hữu hạn sang Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502233726 thay đổi lần thứ tư (02) ngày 07 tháng 11 năm 2014.

Ngoài sự kiện nêu trên, Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT.

3. Các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng Thành viên, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên chủ chốt như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Nhập góp vốn	-	10.000.000.000
Cho vay tiền	5.600.000.000	25.000.000.000
Lãi tiền cho vay	1.926.789.041	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ với các thành viên chủ chốt như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu tiền cho vay	30.600.000.000	25.000.000.000
Phải thu lãi tiền cho vay	1.926.789.041	-
Tạm ứng	480.000.000	55.000.000
Cộng nợ phải thu	33.006.789.041	25.055.000.000

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Otran Miền Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Vina Commodities Miền Nam)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Otran Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Vina Commodities)	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Otran Hưng Yên (tiền thân là Công ty Cổ phần Vina Commodities Hưng Yên)	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Năng lượng Otran (tiền thân là Công ty TNHH Nông nghiệp T&T Phú Mỹ)	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Đơn vị tính: VND Năm trước
Công ty Cổ phần Otran Miền Nam		
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho bên liên quan	29.837.400.575	9.706.484.151
Mua hàng hóa, dịch vụ từ bên liên quan	20.356.223.973	4.578.659.831
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	12.410.648.400	160.623.880
Nhận góp vốn bằng tiền từ bên liên quan	-	25.972.503.849
Nhận góp vốn bằng tài sản từ bên liên quan	-	164.027.496.151
Mua tài sản cố định hữu hình từ bên liên quan	7.437.364.671	-
Trả vốn góp bằng tài sản cho bên liên quan	528.573.343	-
Nhận góp vốn bằng tiền từ bên liên quan	505.039.561	-
Nhận góp vốn bằng công cụ dụng cụ từ bên liên quan	23.533.782	-

Công ty Cổ phần Otran Việt Nam

Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho bên liên quan	645.689.236	373.332.265
Mua hàng hóa, dịch vụ từ bên liên quan	324.522.388	-
Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai		
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho bên liên quan	285.254.591	-
Mua hàng hóa, dịch vụ từ bên liên quan	278.410.800	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
Công ty Cổ phần Otran Miền Nam		
Phải thu tiền hàng	30.109.917.902	11.007.400.181
Công ty Cổ phần Otran Việt Nam		
Phải thu tiền hàng	3.184.862.080	2.636.483.317
Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai		
Phải thu tiền hàng	288.485.549	25.052.867
Cộng nợ phải thu	33.294.779.982	13.643.883.498

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Otran Miền Nam

Phải trả tiền hàng

Cộng nợ phải trả

Số cuối kỳ	Số đầu năm
24.372.142.935	5.231.109.782
24.372.142.935	5.231.109.782

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

4. Thông tin hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.403.537.066	6.343.193.846	2.403.537.066	6.343.193.846
Đầu tư ngắn/ dài hạn khác	30.600.000.000	25.000.000.000	30.600.000.000	25.000.000.000
Phải thu khách hàng	39.433.127.498	15.082.482.754	39.433.127.498	15.082.482.754
Phải thu khác	2.341.476.635	-	2.341.476.635	-
Tài sản tài chính khác	786.641.601	276.850.000	786.641.601	276.850.000
Cộng	75.564.782.800	46.702.526.600	75.564.782.800	46.702.526.600

Đơn vị tính: VND

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán

Thuế và các khoản phải

nộp Nhà nước

Phải trả người lao động

Các khoản phải trả khác

Cộng

48.251.356.962	10.029.450.284	48.251.356.962	10.029.450.284
754.025.611	1.279.421	754.025.611	1.279.421
193.837.792	164.789.640	193.837.792	164.789.640
596.318.606	96.933.433	596.318.606	96.933.433
49.795.538.971	10.292.452.778	49.795.538.971	10.292.452.778

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Đơn vị tính: VND

Số cuối kỳ	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá		Đã quá hạn và bị giảm giá	
			Cộng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.403.537.066	-	-	2.403.537.066
Đầu tư ngắn/ dài hạn	30.600.000.000	-	-	30.600.000.000
Phải thu khách hàng	39.433.127.498	-	-	39.433.127.498
Phải thu khác	2.341.476.635	-	-	2.341.476.635
Tài sản tài chính khác	786.641.601	-	-	786.641.601
Cộng	75.564.782.800	-	-	75.564.782.800
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.343.193.846	-	-	6.343.193.846
Đầu tư ngắn/ dài hạn	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
Phải thu khách hàng	15.082.482.754	-	-	15.082.482.754
Phải thu khác	-	-	-	-
Tài sản tài chính khác	276.850.000	-	-	276.850.000
Cộng	46.702.526.600	-	-	46.702.526.600

7. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

Số cuối kỳ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	48.251.356.962	-	48.251.356.962
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	754.025.611	-	754.025.611
Phải trả người lao động	193.837.792	-	193.837.792
Các khoản phải trả khác	596.318.606	-	596.318.606
Cộng	49.795.538.971	-	49.795.538.971
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	10.029.450.284	-	10.029.450.284
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.279.421	-	1.279.421
Phải trả người lao động	164.789.640	-	164.789.640
Các khoản phải trả khác	96.933.433	-	96.933.433
Cộng	10.292.452.778	-	10.292.452.778

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY TNHH OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 06 tháng 11 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.


Nguyễn Khánh

Kế toán trưởng



Trần Đức Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Thành viên



Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 31 tháng 12 năm 2014